

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **164/2024/HSST**

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa

Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Gấm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Diệu Thùy - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 160/2024/ TLST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với:

Lê Ngọc H, sinh năm: 1988; Giới tính: Nam; ĐKKHKT: thôn S, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12

Con ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị L; H1 và tên vợ: Hoàng Thị H2 (đã ly hôn); Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 12/4/2024; Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đỗ Quốc Q** – Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H

Bị hại: Công ty CP L2

Địa chỉ: Số E, Phố X, Phường Q, Quận H, Q, T, Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Trung H3 (Sinh năm: 1988; HKTT: 601 R Sunshine R, T, Hà Nội)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1 - Anh Cung Bình M (Sinh năm: 1968; HKTT: Số 9 Quán Thánh, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội)

2 - Anh Triệu Ngọc H4 và Chị Phan Thị H5 (Sinh năm: 1965; HKTT: C27 ngõ D T, H, H, Hà Nội)

3 - Anh Đỗ Anh H6 (Sinh năm: 1978; HKTT: 10 H, Nguyễn Trung T, B, Hà Nội)

4 - Chị Đỗ Thị Thanh H7 (Sinh năm: 1980; HKTT: 111 T, H, H, Hà Nội)

5 - Chị Đỗ Minh H8 (Sinh năm: 1972; HKTT: Tổ B T, L, Hà Nội)

6 - Chị Trịnh Thị Thu H9 (Sinh năm: 1976; HKTT: 1C Đ, Phan Chu T1, H, Hà Nội)

7 - Chị Phạm Minh N1 (Sinh năm: 1978, HKTT: 27 T, T, H, Hà Nội)

8 - Chị Hoàng Kim D (Sinh năm: 1978, HKTT: 17 G, Đ, H, Hà Nội)

9 - Chị Natalie H10 (N2) (Sinh năm: 1988 – chưa rõ nơi ở).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt lại như sau:

Công ty CP L2 (địa chỉ: B L, phường P, quận H, Hà Nội) ký hợp đồng lao động với Lê Ngọc H, vị trí làm việc của H là Huấn luyện viên cá nhân, đồng thời H làm tiếp thị gói tập cùng huấn luyện viên cho khách hàng, mời khách hàng mua gói tập, khi khách hàng mua gói tập thì H sẽ được hưởng phần lợi nhuận dựa trên doanh thu bán hàng. Công ty đã cung cấp sẵn các “Thỏa thuận gói huấn luyện riêng” (gọi tắt là Thỏa thuận) đã được ký sẵn để H giao cho khách hàng. Sau khi ký Thỏa thuận, các khách hàng giao tiền cho Lê Ngọc H để nộp về công ty, H sẽ trả lại hóa đơn thu tiền cho khách sau. Tuy nhiên, khi nhận được tiền của khách hàng H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, cụ thể:

- Nhận của anh Cung Bình M (sinh năm: 1968; Nơi cư trú: số I Quán T,

phường Q, quận B, Hà Nội): mua 36 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 33.200.000 đồng.

- Nhận của anh Triệu Ngọc H4 – chồng chị Phan Thị H5: mua 36 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 25.200.000 đồng.

- Nhận của chị Phan Thị H5 (sinh năm: 1965; Nơi cư trú: C27 ngõ D T, phường H, quận H, Hà Nội): mua 24 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 17.200.000 đồng.

- Nhận của chị Hoàng Kim D (sinh năm: 1970; ĐKHKT: 17 G, phường Đ, quận H, Hà Nội; Chỗ ở: A T, phường P, quận B, Hà Nội): mua 24 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 15.480.000 đồng.

- Nhận của chị Trịnh Thị Thu H9 (sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Số A Đ, phường P, quận H, Hà Nội): mua 24 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 17.200.000 đồng.

- Nhận của chị Phạm Minh N1 (sinh năm: 1978; ĐKHKT: 27 T, phường T, quận H, Hà Nội; Chỗ ở: P Tòa S1.12 khu Vinhomes OceanPark, Đ, G, Hà Nội): mua 24 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 15.480.000 đồng.

- Nhận của anh Đỗ Anh H6 (sinh năm: 1978; Nơi cư trú: số A H, phường N, quận B, Hà Nội): mua 36 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 22.680.000 đồng.

- Nhận của chị Đỗ Thị Thanh H7 (sinh năm: 1980; ĐKHKT: 111 T, phường H, quận H, Hà Nội; Chỗ ở: Căn hộ A Tòa N Chung cư B N, quận L, Hà Nội): mua 24 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 15.480.000 đồng.

- Nhận của chị Đỗ Minh H8 (sinh năm: 1972; Nơi cư trú: tổ B T, L, Hà Nội): mua 12 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 8.640.000 đồng.

- Nhận của chị Natlie H11 (tức N2 – chưa rõ nhân thân): mua 36 buổi tập cùng huấn luyện viên với giá 22.680.000 đồng.

Thu giữ của chị Đặng Thị Kim A: Công văn từ Ngân hàng H12 đòi nợ Lê Ngọc H; Danh sách 10 khách hàng đưa tiền cho Lê Ngọc H; Bản sao giấy nhận nợ của Lê Ngọc H với anh Cung Bình M; Bản sao giấy nhận tiền của anh Cung Bình M với E; Bản sao hợp đồng huấn luyện viên; bản sao bản tường trình của Lê Ngọc H; bản sao biên bản họp giữa Lê Ngọc H và ban lãnh đạo Elite Fitness; bản sao biên bản làm việc với gia đình H.

Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm nhưng H bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được H đang ở đâu. Tiến hành cho chị Đỗ Minh H8, chị Đỗ Thị Thanh H7 và anh Cung Bình M nhận dạng Lê Ngọc H qua ảnh, cả ba người đều xác định H chính là người đã nhận tiền mua gói tập cùng huấn luyện viên của các anh chị.

Đến ngày 09/03/2022, sau khi được Cơ quan điều tra và gia đình nhiều lần

thuyết phục, Lê Ngọc H đến Công an quận H làm việc và khai: Khoảng thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2014, H ký hợp đồng với Công ty CP L2 làm huấn luyện viên tại Trung tâm E L, phường P, quận H, Hà Nội. Công việc của Lê Ngọc H là tiếp thị gói tập cùng huấn luyện viên cho khách hàng, mời khách hàng mua gói tập, trong trường hợp khách hàng mua gói tập thì H sẽ được hưởng phần lợi nhuận dựa trên doanh thu bán hàng. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ tín dụng nên H khi tiếp thị gói tập và mời khách hàng mua, H nói sẽ nhận tiền của khách hàng để nộp về công ty sau đó lấy hóa đơn đưa cho khách hàng sau. Sau khi nhận tiền từ khách hàng, H không chuyển tiền về công ty mà sử dụng hết để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng tháng 11/2014, Trung tâm L2 phát hiện ra sự việc nên đã cho H nghỉ việc và yêu cầu H trả lại số tiền đã nhận của khách hàng. H đã nhận tiền của 10 khách hàng như đã nêu trên. Tổng số tiền H đã nhận của khách hàng là 193.240.000 đồng. H đã sử dụng chi tiêu hết không còn khả năng chi trả. Sau khi bị Công ty phát hiện, H đã bỏ đi khỏi địa phương, cắt liên lạc với gia đình.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Công ty CP L2 ủy quyền cho chị Đặng Thị Kim A (sinh năm: 1987; Nơi cư trú: tổ D N, Cầu G, Hà Nội) đến trình báo, chị Kim A khai: Đối với những khách hàng hội viên đã đưa tiền cho Lê Ngọc H để mua gói tập, Công ty L2 đã bồi thường tiền mặt cho anh Cung Bình M và tổ chức khóa tập cho các hội viên còn lại. Công ty L2 đã làm việc với Lê Ngọc H và gia đình của H, H thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích cá nhân và hứa sẽ hoàn trả lại công ty đầy đủ nhưng sau đó bỏ trốn không liên lạc được nên chị Kim A đến cơ quan công an để trình báo. Chị Kim A thống kê số tiền Công ty bị thiệt hại là 210.940.000 đồng nhưng không cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh thiệt hại. Đến ngày 05/7/2024, Công ty CP L2 ủy quyền cho anh Nguyễn Trung H3 (sinh năm: 1988; Chỗ ở: 601 R Sunshine R, T, Hà Nội) làm đại diện. Anh H3 cho biết: Sự việc xảy ra đã lâu, Công ty không còn lưu giữ các tài liệu nên không cung cấp thêm tài liệu nào khác và yêu cầu H bồi thường cho Công ty số tiền 193.240.000 đồng.

Anh trai Lê Ngọc H là anh Lê Ngọc T2 (sinh năm: 1983; Nơi cư trú: TDP C M, phường M, quận N, Hà Nội) khai: Khoảng tháng 11/2014, H gọi điện thoại cho anh T2 thông báo về việc H đã chiếm đoạt khoảng hơn 190.000.000 đồng của Trung tâm L2. Công ty đã mời anh T2 và gia đình lên làm việc, gia đình anh đã có thỏa thuận với Công ty để khắc phục số tiền H đã chiếm đoạt nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên gia đình chưa thực hiện được.

Chị Đỗ Minh H8 khai: Chị H8 là hội viên của câu lạc bộ E1 từ tháng 10/2014. Ngày 30/11/2014, H giới thiệu cho chị H8 gói tập cùng huấn luyện viên và thuyết

phục chị H8 mua gói tập với giá 8.640.000 VNĐ (Tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và chị H8 nhờ H mua hộ bột protein với số tiền là 2.000.000 VNĐ (Hai triệu đồng). Sau khi nhận tiền của chị H8, H không nộp tiền cho công ty, không mua hộ bột protein. Chị H8 giao tiền mặt cho H tại trụ sở Elite Fitness nhưng không có giấy tờ biên nhận, không có người chứng kiến. Chị H8 đã được Công ty cung cấp gói tập 12 buổi và không có yêu cầu gì khác.

Chị Đỗ Thị Thanh H7 khai: Ngày 25/09/2014, sau khi được H mời mua gói tập cùng huấn luyện viên, chị H7 đã đưa cho H số tiền là 15.000.000 VNĐ (Mười lăm triệu đồng). Nhận tiền của chị H7, H không nộp lại cho công ty theo thỏa thuận. Quá trình giao tiền tại trụ sở Elite Fitness, không có giấy tờ biên nhận, không có người chứng kiến. Chị H7 đã được Công ty K, cung cấp gói tập và không có yêu cầu gì khác.

Anh Cung Bình M khai: Khoảng đầu tháng 11/2014, anh M tham gia tập tại E. Quá trình tập luyện, H mời anh M mua gói tập cùng huấn luyện viên với số tiền là 33.200.000 VNĐ (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền của anh M, H không nộp lại cho công ty mà sử dụng cho tiêu cá nhân hết. Khi giao tiền tại trụ sở Elite Fitness không có giấy tờ biên nhận, không có người chứng kiến. Khi anh M phát hiện H không nộp tiền về công ty thì đã yêu cầu H viết 01 giấy nhận nợ. Số tiền này H chưa trả anh M nhưng công ty L2 đã hoàn trả lại cho anh M. Anh M không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Phan Thị H5 khai: Khoảng tháng 10/2014, chị H5 đã mua 03 gói tập cùng huấn luyện viên thông qua H, gói tập thứ nhất cho chồng của chị H5 là anh Triệu Ngọc H4 với số tiền là 22.680.000 VNĐ (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), gói tập thứ hai cho bản thân với số tiền là 15.840.000 VNĐ (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và gói tập thứ ba cho cả hai là 19.000.000 VNĐ (Mười chín triệu đồng). Tổng số tiền chị H5 đã đưa cho H là 57.520.000 VNĐ (Năm mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi nhận tiền của chị H5, H không nộp về công ty mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đối với số tiền này chị H5 giao cho H không có giấy biên nhận. Chị H5 đã được Công ty khắc phục thiệt hại, cung cấp gói tập và không có yêu cầu gì khác.

Anh Đỗ Anh H6 khai: Khoảng tháng 11/2014, anh H6 thường xuyên đến Trung tâm Elite Fitness để tập. anh H6 được Lê Ngọc H là huấn luyện viên hướng dẫn tập thể hình giới thiệu gói tập 36 buổi cùng huấn luyện viên có giá 22.680.000 đồng. H đưa cho tôi ký Thỏa thuận gói huấn luyện riêng rồi nói tôi đưa tiền cho H, H sẽ nộp tiền về công ty rồi đưa hóa đơn cho tôi sau. Tuy nhiên, H không trả lại hóa

đơn cho tôi, tôi được biết H đã sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết. Anh H6 đã được Công ty tổ chức tập 36 buổi nên anh H không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Trịnh Thị Thu H9 khai: Khoảng tháng 11/2024, chị H9 thường đến tập tại Trung tâm E - B L. Trong thời gian tập tại đây, chị H9 được Lê Ngọc H là huấn luyện viên của trung tâm mời mua gói tập cùng huấn luyện viên gồm 24 buổi tập với giá 17.200.0000 đồng. Chị H9 đồng ý nên đã H đưa cho chị H9 ký 01 Thỏa thuận gói huấn luyện riêng, chị H9 giao tiền cho H để H nộp về công ty. Tuy nhiên, H không nộp về Trung tâm, không trả hóa đơn cho chị H9 và sử dụng tiền để ăn tiêu hết. Chị H9 đã được Trung tâm tổ chức tập theo gói tập chị H9 đã ký nên chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Phạm Minh N1 khai: Khoảng tháng 9/2014, chị N1 đăng ký gói tập cùng huấn luyện viên tại Trung tâm L2 và được Lê Ngọc H làm huấn luyện viên hướng dẫn. H đã mời chị N1 mua gói tập 24 buổi với giá 15.480.000 đồng. Chị N1 đồng ý nên H đưa chị N1 ký Thỏa thuận gói huấn luyện riêng. Chị N1 đưa tiền cho H nhưng H không trả hóa đơn cho chị N1 mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chị N1 đã được Trung tâm tổ chức tập theo gói tập chị đăng ký nên chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Hoàng Kim D khai: Năm 2014, chị D có mua gói tập tại Trung tâm E - B L, tuy nhiên thời gian đã lâu, chị D đang điều trị bệnh u màng não nên chị không còn nhớ nội dung sự việc. Chị D không nhận ra Lê Ngọc H và không có ý kiến gì về các tài liệu điều tra đã thu thập được. Chị D không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với trường hợp chị N2 – N, Trung tâm Elite Fitness cung cấp sinh ngày: 21/10/1988 có địa chỉ tại Phòng 1012 N D, Cầu G, Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác định tại địa chỉ này không có ai tên N2 sinh sống hay đăng ký thường trú. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu do bị hại trình báo, lời khai của Lê Ngọc H phù hợp với nhau, đủ căn cứ để xác định H đã nhận 22.680.000 đồng của chị N2 để mua gói tập 36 buổi nhưng H không nộp về công ty mà giữ lại sử dụng ăn tiêu hết. Trung tâm L2 đã khắc phục bồi thường 36 buổi tập cho chị N2. Lê Ngọc H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền chiếm đoạt này.

Bản Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 2/8/2024 Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm truy tố Lê Ngọc H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc H khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Qua xét hỏi, thẩm vấn tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Ngọc H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Ngọc H 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 tháng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định

Về dân sự: Các bị hại đã được Công ty cổ phần L2 khắc phục cung cấp gói tập nên không có yêu cầu gì khác nên không xét. Công ty cổ phần L2 đã nhận đủ số tiền do gia đình bị cáo khắc phục, không có yêu cầu gì khác về dân sự đối với bị cáo.

Về vật chứng: không có

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đã thực sự hối lỗi về hành vi của mình, đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo và vợ đã ly hôn phải nuôi 3 con nhỏ, bố mẹ già yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt là án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo gia đình.

Nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát truy tố hành vi của bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lê Ngọc H được Công ty CP L2 – B L, phường P, quận H, Hà Nội ký hợp đồng lao động làm việc tại Trung tâm. Trong thời gian làm việc tại đây, từ tháng 9/2014 đến tháng 11/2014, H đã mời 10 học viên ký Thỏa thuận gói huấn luyện riêng và thu tiền nhưng không nộp về Trung tâm, H không trả hóa đơn cho các học viên mà bằng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 193.240.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn. Đến nay H đã tác động gia đình để hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty, số tiền 93.240.000 đồng Công ty không yêu cầu bị cáo trả lại cho Công ty.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm là đúng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là nhân viên của Công ty CP L2 kinh doanh Trung tâm Elite Fitness, vị trí làm việc của H là Huấn luyện viên cá nhân, đồng thời H làm tiếp thị gói tập cùng huấn luyện viên cho khách hàng, mời khách hàng mua gói tập, khi khách hàng mua gói tập thì H sẽ được hưởng phần lợi nhuận dựa trên doanh thu bán hàng. Công ty đã cung cấp sẵn các “Thỏa thuận gói huấn luyện riêng” (gọi tắt là Thỏa thuận) đã được ký sẵn để H giao cho khách hàng. Sau khi ký Thỏa thuận, các khách hàng giao tiền cho Lê Ngọc H để nộp về công ty, H sẽ trả lại hóa đơn thu tiền cho khách sau. Tuy nhiên, khi nhận được tiền của khách hàng H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng trả tiền cho Công ty. Công ty đã phải cung cấp gói tập khác cho các bị hại để khắc phục hậu quả mà bị cáo gây ra, làm ảnh hưởng xấu đến Công ty cũng như trật tự trị an xã hội.

Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[3] Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn

hồi cải, phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bố mẹ bị cáo được tặng thưởng nhiều kỷ niệm chương; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 193.240.000 đồng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân bị cáo tốt, gia đình có công với cách mạng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy đáng ra phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có công với cách mạng vì vậy Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước và tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về dân sự: Các bị hại đã được Công ty cổ phần L2 khắc phục cung cấp gói tập nên không có yêu cầu gì khác nên không xét. Công ty cổ phần L2 đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về vật chứng: không có

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khoản 2 Điều 136, Điều 331,

Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

- **Xử phạt:** Bị cáo **Lê Ngọc H 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Công an quận Hoàn Kiếm;
- CC Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng